

Số: 947/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 14 tháng 05 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “Vật tư thay thế C&I
(Hệ thống Lò hơi) năm 2025”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế C&I (Hệ thống Lò hơi) năm 2025”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa: như Phụ lục Đính kèm;
 - Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng;
 - Sản xuất từ năm 2024 trở lại đây hoặc nhà thầu đề xuất (có thư xác nhận của nhà sản xuất).
 - Các vật tư/thiết bị nhà thầu chào phải có tài liệu của nhà sản xuất, CO và CQ hoặc các tài liệu có giá trị tương đương cung cấp bởi nhà sản xuất/Cơ quan có thẩm quyền;
 - Nhà thầu báo giá dựa trên xuất xứ của phụ lục: “Danh mục hàng hóa”, trong trường hợp vật tư/thiết bị có nguồn gốc xuất xứ khác thì phải có thư xác nhận của nhà sản xuất.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 05./06/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
7. Thông tin liên hệ:
Người nhận: Trần Nhật Tiến, Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.
Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
Email: haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; tientn@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.
NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (T.N.T).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC - VẬT TƯ THAY THẾ C&I (HỆ THỐNG Lò HƠI)
(Đính kèm văn bản số 947 /NMĐSH1-KTATMT ngày 14 /05/2025)

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
1	Power supply	MODEL NO: L240AS-01	- Model No:L240AS-01	Dell	Châu Âu/OECD/ASE AN	1	cái	
2	Filter	TK7H6750P1	- Part No: TK7H6750P1 - When SO2 analyzer is included.For sampling module - Material: teflon - Roughness: 0.1 µm	Fuji Electric	Châu Âu/OECD/ASE AN	4	cái	
3	Filter	TK7H8043P1	-Part No: TK7H8043P1 - Material: Polyethylene. - Roughness: 0.5 µm	Fuji Electric	Châu Âu/OECD/ASE AN	2	cái	
4	Capillary	TK729264C8	- Part No: TK729264C8 - Capillary for sampling tube of Gas dryer - Pressure/Flow: 50 kPa/0.6 L - Color: Green. - Outside diameter: 6 mm.. - Length: 430 mm.	Fuji Electric	Châu Âu/OECD/ASE AN	2	cái	
5	Relay	HH54PW-L + Socket TP514X2	- Plug-in type. - 6 to 240VAC 50/60Hz - Contact form and arrangement: Bifurcated 4PDT - Rated thermal current: 3A	Fuji Electric	Châu Âu/OECD/ASE AN	2	Bộ	
6	Proportional Amplifier PVR for reversing drives	PVR 24F/11 Part No: R909890143	- Voltage supply: 18...33 V DC - Overvoltage protection (supply): suppressore diode - Reverse voltage protection (supply): response of the fuse on the circuit board - Current consumption, without load: approx. 30 mA - Current consumption, maximum: <1,6 A - Resistance of the ext. potentiometer: 1 kΩ...10 kΩ - Signal input voltage: 0 V...8,5 V - Ramp time, from Imin to Imax as well as Imax to Imin: 0,1 s ... 10 s, adjustable. - Output current, max. (load depend.): 750 mA - Pulse frequency (PWM-output stage): 100 Hz - Switching output, max. current: 1000 mA	Rexroth	Châu Âu/OECD	1	cái	



STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
7	Electronic circuit protection	9000-41034-0100400	Input voltage DC: 24 V ON pulse length control inputs high min: 20 ms Total current bridge set max: 40 A. + Switch-on capacity per channel max: 20 mF + Switching voltage AC max: 30 V + Switching voltage DC max: 30 V + Switching current max: 100 mA. + Mounting method: geschnappt + Suitable for mounting type: Mounting rail TH35, (EN 60715) + Height: 90 mm + Width: 70 mm + Depth: 80 mm.	MURR ELEKTRONIK	Châu Âu/OECD	1	cái	
8	Signal distributor	SHN-DSC-HIO-W	- Input: 4~20mA. - Output: -10 ~10 VDC. - Power Supply: 220VAC - Linearity: ±0.02% F.S. - Insulation Resistance: Greater than 100MΩ with DC 500V. - Front Adjustments: Zero and Span ±5% - Overrange Output: approx.-10% ~ 110% at DC 1~5V - Response Time: ≤0.5 sec (0~90%)	Sinho System	Châu Âu/OECD/ASEAN	1	cái	
9	Power supply	400W ENT15 EPA92	- Model No: 400W ENT15 EPA92	HP	Châu Âu/OECD/ASEAN	1	cái	
10	Máy tính	PRECISION 5860 TOWER	- Operating system: Windows 10 Pro for Workstations Downgrade. - Processor: Intel® Xeon® w3-2425, 15MB cache, 6 cores, 3.0GHz to 4.4GHz. - RAM: 16GB, 1 x 16GB, DDR5 SPR, 1 DPC, 4800MHz - STORAGE: +3.5-inch, 1TB, 7200 RPM, SATA; + M.2 2280, 512GB, PCIe NVMe Gen4 x4, SSD, Class 40 - GRAPHIC: NVIDIA® T1000 8GB GDDR6 - ADD-IN CARDS: MegaRaid9540. - OPTICAL DRIVE: 8x DVD+/-RW 9.5mm optical drive - POWER OPTIONS: 750W Platinum internal power supply unit.	Dell	Châu Âu/OECD/ASEAN	1	Bộ	
11	Operator panel	OP-7A	-P/N:OP-7A - Rated voltage 24VDC +/- 25% - Rated current: 0,45A , inrush current: max. 2,8A	Kukla	Châu Âu/OECD	1	cái	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
12	Weighing electronics	DWC-7A	P/N:DWC-7A - Consist of: + CPU-card DWC-7A/Z + Power module PM1 + Load cell input card WC 0 + Tacho Combicard TM1 + Digital input card DI1 + Digital output card DO1 + Analog input card AI1 + Analog output card AO1	Kukla	Châu Âu/OECD	1	Bộ	
13	LOCK-OUT RELAY	7828HF	Coil specification: - Trip coil: + Nominal voltage 250 VDC + Operating range 180-280 VDC + Threshold (Min): 140 VDC + Coil resistance: 104 Ohm + Coil burden (250 VDC): 2.4 AMP, - Reset coil: + Nominal voltage 250 VDC + Operating range 200-275 VDC + Coil resistance: 80.6 Ohm + Coil burden (250 VDC): 3.1 AMP.	ELECTROSWITCH	Châu Âu/OECD	2	cái	
14	Transformer	FUL21-1.5K	- Phase: 1 - Frequency (Hz): 50/60 - Capacity (kVA): 1.5 - Primary Voltage (V): 200, 208, 220, 230, 240 - Secondary Voltage (V): 100 - Secondary Current (A): 15 - Percent Impedance (%): 5.2/5.3 - Insulation Resistance: more than 100 MΩ at DC 500V Megger. - Rating: Continuous - Class: H (System 16) - Primary Circuit Breaker: 15A - Secondary Circuit Breaker: 15A - Protection Degree: IP00	Fukuda Electric	Châu Âu/OECD	2	cái	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
15	Solenoid Valve	VDW13-6G-2-A-Q	- Series: 10 - Valve type: N.C for manifold - Voltage: 12 VDC - Coil type: Grommet/ Tape winding. - Orifice diameter (mm): 1.6 - Body material: Brass (C37) - Seal material: FKM - Coil insulation: Class B.	SMC	Châu Âu/OECD/ASE AN	2	cái	
16	Power supply	FSP700-80PSA	- FSP700-80PSA	FSP Group INC.	Châu Âu/OECD/ASE AN	1	cái	
17	Bộ nguồn máy tính	- Model No.: HSTNS-PD40 P/N: 723595-101	Model No.: HSTNS-PD40 P/N: 723595-101	HP	Châu Âu/OECD/ASE AN	1	cái	
18	Router	Model: 2901	- Embedded Hardware-Based Cryptography and Acceleration: Yes - Cisco Unified SRST Sessions: 35 - Cisco Unified CCME Sessions: 35 - Total Onboard WAN 10/100/1000 Ports: 2 - Memory DDR2 ECC DRAM - Default: 512 MB - EHWIC Slots: 4 - Compact Flash (External) - Default slot 0: 256 MB; slot 1: none	Cisco	Châu Âu/OECD	1	cái	
19	Poppet Valve	NF3PAN520N0000	- Valve Series: Poppet for Compressed Air - Port Size: 3/8" - Valve Actuator: Air pilot with spring return - Valve Function: 2 Position 3-way Normally Closed (non-passing) - Mounting: Line mounted (ports in valve body) - Wiring Options: No wiring - Air piloted - Port Type: NPTF Pressure ports - Special Options: No Option - Voltage: Air Pilot	Numatics	Châu Âu/OECD	8	cái	



STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
20	FILTER REGULATOR	SAW6000M-10NiIBG-NiI	- Filter regulator - Body size: 1 - Port size: Rc(PT) 1" - Accessory (Optional): + Manual drain + Bracket + Gauge - Option: PC Bowl - Max. supply pressure: 1,5Mpa	SKP	Châu Âu/OECD	2	cái	
21	Quick exhaust valve	VSC 522-08	- Construction: Poppet type - Mounting: In-line - Materials: Nickel-plated brass body, Buna-N seals, Polyurethane seals - Port sizes: 1/2" NPTF - Installation: In-line - Fluid: Filtered air (25 micron or less) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi) - Nominal pressure: 6 bar (87 psi) - Nominal flow: Series VSC: 1/2" = 4500 NL/min. (158.9 SCFM)	Camozzi	Châu Âu/OECD	5	cái	
22	Mechanically actuated heavy duty poppet valve	S/1340/14	- Port size: G1/4 - Operator/return: Plunger/spring - Operating pressure (bar): 0.7 – 10 - Operating force: 25N - Pre-travel: 2,4 mm exhaust seat closes - Operating Travel: 1,6 mm - Total movement of valve including over-travel: 5,6 mm Bao gồm: - Spares kit: QS/1340/6/00	IMI NORGREN	Châu Âu/OECD	5	Bộ	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
23	Level Switch	PNL1-3000-A1BE	- Technology: RF Admittance - Measurement Type: Std Auto Cal - Input: Universal Power Supply 19-250 VAC, 18-200 VDC - Output: One DPDT Relay, dry contacts, 5A, 120VAC - Housing: FM / FMc approved, NEMA 4X/IP66, ¾" conduit entries - Electronics: Integral - Sensing Element: + Application: General purpose + NPT Threads: ¾" NPT, 316SS (Phù hợp để thay thế cho Level switch Serial No: ABG-024554 hiện hữu tại nhà máy điện Sông Hậu 1)	DREXELBROOK	Châu Âu/OECD	1	cái	
24	Hydraulic Actuator	MV10400	model: MV10400 Phải thích hợp để thay thế cho Actuator model MV10400, Serial No: AVT-2021-01-003, của hãng AVTEC hiện hữu tại nhà máy điện Sông Hậu 1)	AVTEC	Châu Âu/OECD	1	Bộ	
25	Hydraulic Actuator	MV10800	model: MV10800 Phải thích hợp để thay thế cho Actuator model MV10800, Serial No: AAVT-2021-01-009, của hãng AVTEC hiện hữu tại nhà máy điện Sông Hậu 1)	AVTEC	Châu Âu/OECD	1	Bộ	



STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
26	Servo-Performance Proportional Directional Valves	KSDG4V-3-92L-24-M-U1-H7-11	- Valve type: Proportional valve - Feed back arrangement: Closed-loop - Control type: Directional valve - Mounting: Subplate mounted - Operation: Solenoid operated - Pressurerating: >250 bar (3625 psi) on ports P,A, & B - Interface: ISO 4401, size 03-02-0-94 - Spool type (center condition): Zero lap (biased underlap) - Spool type, spring off set condition: Ports P, A, & T blocked - Valve build: Standard build - Rated flow at 70 bar (1000 psi) loop Δp pressure drop: 24 L/min (6.3 USgpm) - Solenoid connector: ISO 4400/DIN 43650, non-integral amplifier type only (mating plugs supplied) - Coil rating: 24V DC amplifier supply - Port T pressure limit code: For all spools	Eaton	Châu Âu/OECD	1	cái	
27	Set of Flexible fibre optic cable for optical compact flame monitor	Order number: D-LL-703	- Set of Flexible Fibre Optic cable for optical compact flame monitor, include 1) Flexible fibre optical cable: - Flexible Fibre system: inner part UV - length A total: 4455 mm - Flexible cable outer diameter: Ø10 - Flange side tip outer diameter: 8mm - Burner side tip outer diameter: 12mm 2) Mounting flange of Flexible fibre optic cable: - nut connection for Flexible Fibre Optic cable - Inner Diameter 8mm (approx) 3) Centering piece of Flexible fibre optic cable - Screw fixation at Flexible Fibre Optical cable tip - Inner Diameter: 12.2mm - (Phải có khả năng lắp đặt, thay thế dây quang hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng)	Durag	Châu Âu/OECD	25	Bộ	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
28	Compact flame monitor	D-LX-201 IG-IO/P2/0000/PCG	Device variant: For direct optical access with a lens Spectral sensitivity range in nm: 780 – 1800 Regional code: certifications necessary for the region have been obtained: USA Housing characteristics: Plastic housing with plug-in cover, no explosion protection Suitability for specific ambient conditions: No explosion protection Signal and supply connection: Plastic cable gland	DURAG	Châu Âu/OECD	5	cái	
29	Compact flame monitor	D-LX-721 UA-IO/P2/0000/PCG	Device variant: For optical access via a fibre-optic-cable system Spectral sensitivity range in nm: 190 - 520 Regional code: certifications necessary for the region have been obtained: USA Housing characteristics: Plastic housing with plug-in cover, no explosion protection Suitability for specific ambient conditions: No explosion protection Signal and supply connection: Plastic cable gland	DURAG	Châu Âu/OECD	5	cái	
30	Air Flow Sensor	D-SK F3-2	- Air flow sensor D-SK F3-2 with connection cable L = 2m	DURAG	Châu Âu/OECD	2	cái	
31	Solenoid Valve	WSNF8327B002	- Connection: 1/4 NPT - Body: Brass or stainless steel AISI 316L - Stem, core tube: Stainless steel - Core and plugnut: Stainless steel - Springs: Stainless steel - Differential pressure: 0 - 10 Bar - Standard voltages: 24Vdc - Power coil: 11.2 W - Protection class : IP67	ASCO	Châu Âu/OECD	1	cái	
32	Controller	CAPTROL 1450 Controller	- Thay thế cho thiết bị định lượng clo CAPTROL 1450 hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng. - Yêu cầu dịch vụ lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh, chạy thử nghiệm thiết bị.	De Nora	Châu Âu/OECD	1	Bộ	
33	Display Assembly 2x24	Part No: A-1805	Màn hình hiển thị được sử dụng cho board điều khiển "CAPTROL® Model 1450 Controller	De Nora	Châu Âu/OECD	1	cái	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
34	Automatic switchover controller	1017B Changeover	Model: 1017B Changeover	De Nora	Châu Âu/OECD	1	cái	
35	Automatic valve	Part No: 105.7309 Sử dụng cho máy định lượng Clo, denora FX4000	Part No: 105.7309 Được sử dụng cho máy định lượng Clo, denora FX4000	De Nora	Châu Âu/OECD	1	cái	
36	3-Way Spool Valves	DSH083N	Part No: DSH083N Bao gồm Coil: Part No: CCP024D	Parker	Châu Âu/OECD	6	Bộ	
37	Controller PCB	P/N: 57-0100-0019	- Controller PCB: H-Series IO board - P/N: 57-0100-0019 Phải có khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển máy sản xuất Hydro model C series hiện hữu tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.	Proton Energy System, INC	Châu Âu/OECD	1	cái	
38	Belt conveyer misalignments Switch	389.383.003	- Dimension: 195Lx100Wx123H (mm) - Enclosure: Aluminum - Switching points: adjustable between 5°...15° or 15°...35° - Displacement of actuator: max. 75° - Actuation force: 30N ±10N - Protection rating: IP 65 TCVN 4255:2008 - Switching system: Up to 3 NC and NO contacts	NARIME	Châu Âu/OECD/ASEAN	6	cái	
39	Belt conveyor - Pull Rope Switch	389.382.004	- Dimension: 195Lx100Wx123H (mm) - Enclosure: Aluminum - Installation position: Horizontal - Type of actuation: Bidirectional; spring-loaded - Pull-rope length: Up to approx. 100 m - Actuation force: 30N ±10N - Switching system: Up to 4 SPDT contacts	NARIME	Châu Âu/OECD/ASEAN	7	cái	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
40	Pressure transmitter	906393	- Accuracy: $\pm 0.25\%$ - Approval UL approval - Electrical connection DIN EN 175301-803 /3p + PE - Mechanical connection G1/4 A ISO 1179-2 /male - Output signal 4..20mA (2-conductor) - Pressure range max value: 400,0 bar - Pressure range min value: 0,0 bar - Type of pressure: Relative	HYDAC	Châu Âu/OECD	5	cái	
41	Limit Switch	Type: 8373310	- Max. operating force (N) : 6 - Max. total travel force (N): 25 - Max. Allowable overtravel force (N): 30 - Max. Pretravel (mm): 1.5 - Max. Differential travel (mm): 0.2 - Ambient operating temperature (°C): -5 $\rightarrow$ +70 - Mechanical life (operations): 10^6	CROUZET	Châu Âu/OECD	2	cái	
42	Digital control electronics	VT-TPCD-1-12/V1/0 (R901026243)	- VT-TPCD-1-12/V1/0 - MNR: R901026243	Rexroth	Châu Âu/OECD	1	cái	
43	Coupling	Part No: C216P	- CPL.Diam (D2): 1.457 inch - Coupling length (L): 1.48 inch - Hub length (L1): 0.349 inch - Minimum Bore: 0.125 inch - Max Bore: 0.750 inch - Disc Inside Diam (D4): 0.56 Inch - Disc Length (L2): 0.69 inch	Zero-max	Châu Âu/OECD	2	cái	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
44	Indirectly solenoid actuated Diaphragm valves	8296600.8171	- Port size: G1 1/2 - Nominal Diameter (mm): 50 - Valve length (mm): 135 - Operating pressure (bar): 0,4...8 - kv-value * (Base m3/h): 59 - Power supply: 24V - Body: Aluminium	IMI NORGREN	Châu Âu/OECD	2	cái	
45	Solenoid valve	WSETX8353D1 33.17081	- Power Supply: 24VDC - Pipe: 1" NPT - Protection: IP67 (Phù hợp để thay thế valve Serial No.250119-086 hiện hữu tại Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1)	ASCO	Châu Âu/OECD	3	cái	
46	Solenoid valve	WSETHT8551 A409MO	- Power Supply: 24VDC - Pipe: 1/4 NPT - Protection: IP67 (Phù hợp để thay thế valve Serial No. EB7770571042 hiện hữu tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1)	ASCO	Châu Âu/OECD	2	cái	
47	Oil-fog lubricators	L74C-4GP-QPN	* Lubricators - Oil fog lubricator - Port size: 1/2" - Thread form: ISO G parallel (standard) - Drain: Manual (standard) - Bowl: Transparent with guard (standard) - Option: None (standard)	IMI NORGREN	Châu Âu/OECD	5	cái	
48	Solenoid valve	WSETHT8344 A094MO	- Power Supply: 24VDC - Pipe: 1/2NPT - Protection: IP67 (Phù hợp để thay thế valve Serial No. EA7770062002 hiện hữu tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1)	ASCO	Châu Âu/OECD	1	cái	

STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
49	Filter	F72G-2GN-QT1	- Port size: 1/4" - Thread form ISO G parallel - Service life indicator: Without (Standard) - Drain: Manual - Bowl: Transparent - Filter element: 5 um (standard)	IMI NORGREN	Châu Âu/OECD	2	cái	
50	Solenoid valve	Y013AA1H1M S	- ATEX Certification: Ex d - Operation: 3/2 - Operation: Automatic - Port Size: 1/4 NPT - Seat / Seal Material: Nitrile (-55° ... +90 °C) - Conduit / Signal Connection: 20mm x 1.5mm ISO (F) - Voltage / Signal: 220 /240 V a.c. (240 V)	IMI Critical	Châu Âu/OECD	4	cái	
51	Solenoid valve	8254600.9404.23049	- Thread form: ISO G - port size: 1 1/2 - Solenoid options + Operating pressure: 0 ... 16 bar (0 ... 232 psi) - Voltage: 230VAC	IMI NORGREN	Châu Âu/OECD	1	cái	
52	Valve	8551A409	- 8551A409 - Pipe size: 1/4"	ASCO	Châu Âu/OECD	20	Bộ	
53	Flow monitor & flow indicator	DKM/A-1/24 G 1	- Operating pressure, max: 300 bar - Pressure drop: 0,02 - 0,4bar - Temperature max. 120°C - Measuring accuracy: ±10 % of full scale - Ingress Protection: IP65 - MEASURING RANGES: 8-24 l/min - Port size: G 1"	MEISTER	Châu Âu/OECD/ASEAN	1	cái	
54	Heat Resistant In-line Style Speed Controller	AS3000-N02-X221	- Operating pressure range: 0.05 to 1.0MPa - Number of needle rotations: 8turns - Body size: 3/8 - Thresd: NPT - Port size: Rc1/4	SMC	Châu Âu/OECD/ASEAN	20	cái	



STT	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part N0)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
55	Pneumatically actuated 3/2-way spool valve	P311 121	Port size: G 1/2 Air flow: 3000 l/min Operating press. : 2 - 10 bar Actuating press: 3 - 10 bar	Hafner	Châu Âu/OECD	2	cái	
56	Actuator Control Board	AM 01.1	Control Board AM 01.1 (phải phù hợp để thay thế/lắp đặt với thiết bị hiện hữu của Nhà máy Order no: 13448281, No 1119MA 21493, TPA: 00R1BB-101-000, MSP: 1110KC3-F18E2)	Auma	Châu Âu/OECD	1	Bộ	
57	3 WAY VALVE JOUCOMATIC	P/N: STA-M105-06	P/N: STA-M105-06 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/OECD	1	cái	
58	FLOW CELL 15 mm	P/N: STA-M101-02	P/N: STA-M101-02 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/OECD	1	cái	
59	EMITTER 525 nm, single LED analyzers	P/N: STA-L525-01F5	P/N: STA-L525-01F5 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/OECD	2	cái	
60	FILTER 550m 10 mm	P/N: STA-F5501	P/N: STA-F5501 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/OECD	1	cái	
61	SAMPLE DETECTOR	P/N: VTB 4051	P/N: VTB 4051 Được sử dụng cho máy MMAC-C uLFA FrCL12	Systea	Châu Âu/OECD	1	cái	

*Yêu cầu khác:

+ Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở về sau và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chính hãng. Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế/spare part cho các thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu